

Số: 1078 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 01042.20

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH
Địa chỉ : ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH
Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi
Địa điểm lấy mẫu : Vòi nước tại Nhà máy
Tên mẫu : NƯỚC MÁY
Ngày lấy mẫu : 17/12/2020
Lượng mẫu : 4,5 lít
Ngày nhận mẫu : 17/12/2020
Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả.
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số tt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
01	pH	TCVN 6492:2011	6,97	6,0-8,5	18/12/2020
02	Mùi	SMEWW 2150 B-2017	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	18/12/2020
03	Vị	SMEWW 2160 B-2017	Không có vị lạ	Không có vị lạ	18/12/2020
04	Độ đục	SMEWW 2130 B-2017	0,06 NTU	≤ 2,0 NTU	21/12/2020
05	Màu sắc	SMEWW 2120 C-2017	0,27 TCU	≤ 15 TCU	21/12/2020
06	Hàm lượng Sắt tổng cộng ($Fe^{2+} + Fe^{3+}$)	SMEWW 3500 - Fe B - 2017	0,00 mg/L	≤ 0,3 mg/L	21/12/2020
07	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})	EPA 375.4	2,25 mg/L	≤ 250 mg/L	21/12/2020
08	Hàm lượng Florua (F^-)	SMEWW 4500 -F -D - 2017	0,00 mg/L	≤ 1,5 mg/L	21/12/2020
09	Chỉ số Pecmanganat (O_2)	TCVN 6186: 1996	0,48 mg/L	≤ 2,0 mg/L	18/12/2020
10	Hàm lượng Asen tổng số	SMEWW 3114C – 2017	0,00 mg/L	≤ 0,01 mg/L	23/12/2020
11	Clo dư	Chlor test/Martini instruments	0,48 mg/L	0,2-1,0 mg/L	17/12/2020
12	Hàm lượng Mangan tổng số (Mn)	SMEWW 3113B-2012	0,0254 mg/L	≤ 0,1 mg/L	23/12/2020
13	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B – 2017(*) (1)	< MLOQ = 0,001 mg/L	≤ 0,01 mg/L	20/12/2020
14	Nhôm (Al)	SMEWW 3120 B – 2017(*) (1)	0,063 mg/L	≤ 0,2 mg/L	20/12/2020
15	Coliforms tổng cộng	TCVN 6187 – 1:2009 (ISO 9308-1 : 2000)	0 CFU/100 ml	< 3 CFU/100 ml	17/12/2020
16	<i>E.coli</i>	TCVN 6187 – 1:2009 (ISO 9308-1 : 2000)	0 CFU/100 ml	< 1 CFU/100 ml	17/12/2020
17	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881 : 2011 (ISO 16266 : 2006)	0 CFU/100 ml	< 1CFU / 100 ml	17/12/2020

ĐC: 628 Đường 30/4, KP1, P3, thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời gian lưu mẫu, TTKSBT Tây Ninh không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017
- (1) Phép thử do Viện Y tế công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện
- MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp

Nhận xét: Mẫu **NƯỚC MÁY** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Cục Quản lý môi trường y tế biên soạn, Vụ Pháp chế trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Y tế ban hành.

P. KHOA XÉT NGHIỆM-CĐHA-TDCN



CN. Nguyễn Anh Vũ

Ngày 30 tháng 12 năm 2020

KT GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Tô Thanh Tài

Số: 1087 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 01043.20

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH
Địa chỉ : ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH
Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi
Địa điểm lấy mẫu : Số 464, đường Bờ Lồi, KP. Ninh Trung, P. Ninh Sơn, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
Tên mẫu : NƯỚC MÁY
Ngày lấy mẫu : 17/12/2020
Lượng mẫu : 3,5 lít
Ngày nhận mẫu : 17/12/2020
Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả.
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số tt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	pH	TCVN 6492:2011	6,98	6,0-8,5	18/12/2020
2	Mùi	SMEWW 2150B	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	18/12/2020
3	Vị	SMEWW 2160B	Không có vị lạ	Không có vị lạ	18/12/2020
4	Độ đục	SMEWW 2130 B-2017	0,08 NTU	≤ 2,0 NTU	21/12/2020
5	Màu sắc	SMEWW 2120 C-2017	0,12 TCU	≤ 15 TCU	21/12/2020
6	Hàm lượng Asen tổng số	SMEWW 3114C - 2017	0,00 mg/L	≤ 0,01 mg/L	23/12/2020
7	Clo dư	Clo test/ Martini instruments	0,49	0,2 - 1,0 mg/L	17/12/2020
8	Coliforms tổng cộng	TCVN 6187 - 1:2009 (ISO 9308-1 : 2000)	0 CFU/100 mL	< 3 CFU/100 mL	17/12/2020
9	E.coli	TCVN 6187 - 1:2009 (ISO 9308-1 : 2000)	0 CFU/100 mL	< 1 CFU/100 mL	17/12/2020

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời gian lưu mẫu, TTKSBT Tây Ninh không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Cục Quản lý môi trường y tế biên soạn, Vụ Pháp chế trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Y tế ban hành.

P. KHOA XÉT NGHIỆM-CĐHA-TDCN

CN.Nguyễn Anh Vũ

Ngày 30 tháng 12 năm 2020

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Tô Thanh Tài

Số: 1086 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 01044.20

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH
Địa chỉ : ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH
Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi
Địa điểm lấy mẫu : Số 468, đường Bờ Lồi, KP. Ninh Trung, P. Ninh Sơn, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
Tên mẫu : NƯỚC MÁY
Ngày lấy mẫu : 17/12/2020
Lượng mẫu : 3,5 lít
Ngày nhận mẫu : 17/12/2020
Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả.
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số tt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	pH	TCVN 6492:2011	7,02	6,0-8,5	18/12/2020
2	Mùi	SMEWW 2150B	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	18/12/2020
3	Vị	SMEWW 2160B	Không có vị lạ	Không có vị lạ	18/12/2020
4	Độ đục	SMEWW 2130 B-2017	0,10 NTU	≤ 2,0 NTU	21/12/2020
5	Màu sắc	SMEWW 2120 C-2017	0,46 TCU	≤ 15 TCU	21/12/2020
6	Hàm lượng Asen tổng số	SMEWW 3114C – 2017	0,00 mg/L	≤ 0,01 mg/L	23/12/2020
7	Clo dư	Clo test/ Martini instruments	0,37	0,2 - 1,0 mg/L	17/12/2020
8	Coliforms tổng cộng	TCVN 6187 – 1:2009 (ISO 9308-1 : 2000)	0 CFU/100 mL	< 3 CFU/100 mL	17/12/2020
9	E.coli	TCVN 6187 – 1:2009 (ISO 9308-1 : 2000)	0 CFU/100 mL	< 1 CFU/100 mL	17/12/2020

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời gian lưu mẫu, TTKSBT Tây Ninh không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Cục Quản lý môi trường y tế biên soạn, Vụ Pháp chế trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Y tế ban hành.

P. KHOA XÉT NGHIỆM-CDHA-TDCN

CN. Nguyễn Anh Vũ

Ngày 30 tháng 12 năm 2020

KT GIÁM ĐỐC



Tô Thanh Tài

Số: 107 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 01053.20

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH
Địa chỉ : ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH
Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi
Địa điểm lấy mẫu : Trạm cấp nước Gò Dầu, KP. Nội ô B, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
Tên mẫu : NƯỚC MÁY
Ngày lấy mẫu : 17/12/2020
Lượng mẫu : 4,5 lít
Ngày nhận mẫu : 17/12/2020
Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả.
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số tt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
01	pH	TCVN 6492:2011	7,25	6,0-8,5	18/12/2020
02	Mùi	SMEWW 2150 B-2017	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	18/12/2020
03	Vị	SMEWW 2160 B-2017	Không có vị lạ	Không có vị lạ	18/12/2020
04	Độ đục	SMEWW 2130 B-2017	0,06 NTU	≤ 2,0 NTU	21/12/2020
05	Màu sắc	SMEWW 2120 C-2017	0,00 TCU	≤ 15 TCU	21/12/2020
06	Hàm lượng Sắt tổng cộng ($Fe^{2+} + Fe^{3+}$)	SMEWW 3500 - Fe B - 2017	0,28 mg/L	≤ 0,3 mg/L	21/12/2020
07	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})	EPA 375.4	2,25 mg/L	≤ 250 mg/L	21/12/2020
08	Hàm lượng Florua (F^-)	SMEWW 4500 -F -D - 2017	0,00 mg/L	≤ 1,5 mg/L	21/12/2020
09	Chỉ số Pecmanganat (O_2)	TCVN 6186: 1996	0,00 mg/L	≤ 2,0 mg/L	18/12/2020
10	Hàm lượng Asen tổng số	SMEWW 3114C – 2017	0,00 mg/L	≤ 0,01 mg/L	23/12/2020
11	Clo dư	Chlor test/Martini instruments	0,60 mg/L	0,2-1,0 mg/L	17/12/2020
12	Hàm lượng Mangan tổng số (Mn)	SMEWW 3113B-2012	0,0326 mg/L	≤ 0,1 mg/L	23/12/2020
13	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B – 2017(*) (1)	< MLOQ = 0,001 mg/L	≤ 0,01 mg/L	20/12/2020
14	Nhôm (Al)	SMEWW 3120 B – 2017(*) (1)	Không phát hiện MLOD = 0,020 mg/L	≤ 0,2 mg/L	20/12/2020
15	Coliforms tổng cộng	TCVN 6187 – 1:2009 (ISO 9308-1 : 2000)	0 CFU/100 ml	< 3 CFU/100 ml	17/12/2020
16	<i>E.coli</i>	TCVN 6187 – 1:2009 (ISO 9308-1 : 2000)	0 CFU/100 ml	< 1 CFU/100 ml	17/12/2020
17	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881 : 2011 (ISO 16266 : 2006)	0 CFU/100 ml	< 1CFU / 100 ml	17/12/2020

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời gian lưu mẫu, TTKSBT Tây Ninh không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017
- (1) Phép thử do Viện Y tế công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện
- MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp
- MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp

Nhận xét: Mẫu **NUỐC MÁÝ** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Cục Quản lý môi trường y tế biên soạn, Vụ Pháp chế trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Y tế ban hành.

P. KHOA XÉT NGHIỆM-CĐHA-TDCN



CN. Nguyễn Anh Vũ

Ngày 30 tháng 12 năm 2020

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Tô Thanh Tài

Số: 1081 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 01054.20

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH
Địa chỉ : ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH
Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi
Địa điểm lấy mẫu : Cơ sở bán bánh tráng Chị Tuyền, đường Lê Văn Thới, KP. Nội ô B, TT. Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
Tên mẫu : NƯỚC MÁY
Ngày lấy mẫu : 17/12/2020
Lượng mẫu : 4,5 lít
Ngày nhận mẫu : 17/12/2020
Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả.
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số tt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	pH	TCVN 6492:2011	7,29	6,0-8,5	18/12/2020
2	Mùi	SMEWW 2150B	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	18/12/2020
3	Vị	SMEWW 2160B	Không có vị lạ	Không có vị lạ	18/12/2020
4	Độ đục	SMEWW 2130 B-2017	0,07 NTU	≤ 2,0 NTU	21/12/2020
5	Màu sắc	SMEWW 2120 C-2017	0,00 TCU	≤ 15 TCU	21/12/2020
6	Hàm lượng Asen tổng số	SMEWW 3114C – 2017	0,00 mg/L	≤ 0,01 mg/L	23/12/2020
7	Clo dư	Clo test/ Martini instruments	0,61	0,2 - 1,0 mg/L	17/12/2020
8	Coliforms tổng cộng	TCVN 6187 – 1:2009 (ISO 9308-1 : 2000)	0 CFU/100 mL	< 3 CFU/100 mL	17/12/2020
9	E.coli	TCVN 6187 – 1:2009 (ISO 9308-1 : 2000)	0 CFU/100 mL	< 1 CFU/100 mL	17/12/2020

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- Quá thời gian lưu mẫu, TTKSBT Tây Ninh không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC MÁY có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Cục Quản lý môi trường y tế biên soạn, Vụ Pháp chế trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Y tế ban hành.

P. KHOA XÉT NGHIỆM-CĐHA-TDCN

CN. Nguyễn Anh Vũ



Tô Thanh Tài

Số: 1011 /KQ-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 01045.20

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH
Địa chỉ : ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 1, TP. TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH
Người lấy mẫu : Phạm Đăng Khôi
Địa điểm lấy mẫu : Trạm cấp nước Bến Cầu
Tên mẫu : NƯỚC MÁY
Ngày lấy mẫu : 17/12/2020
Lượng mẫu : 4,5 lít
Ngày nhận mẫu : 17/12/2020
Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả.
Tình trạng mẫu : Mẫu được đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh, đóng nắp kín.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số tt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
01	pH	TCVN 6492:2011	6,85	6,0-8,5	18/12/2020
02	Mùi	SMEWW 2150 B-2017	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	18/12/2020
03	Vị	SMEWW 2160 B-2017	Không có vị lạ	Không có vị lạ	18/12/2020
04	Độ đục	SMEWW 2130 B-2017	0,09 NTU	≤ 2,0 NTU	21/12/2020
05	Màu sắc	SMEWW 2120 C-2017	2,28 TCU	≤ 15 TCU	21/12/2020
06	Hàm lượng Sắt tổng cộng ($Fe^{2+} + Fe^{3+}$)	SMEWW 3500 - Fe B - 2017	0,10 mg/L	≤ 0,3 mg/L	21/12/2020
07	Hàm lượng Sunfat (SO_4^{2-})	EPA 375.4	2,12 mg/L	≤ 250 mg/L	21/12/2020
08	Hàm lượng Florua (F)	SMEWW 4500 -F - D - 2017	0,00 mg/L	≤ 1,5 mg/L	21/12/2020
09	Chỉ số Pecmanganat (O_2)	TCVN 6186: 1996	0,16 mg/L	≤ 2,0 mg/L	18/12/2020
10	Hàm lượng Asen tổng số	SMEWW 3114C – 2017	0,00 mg/L	≤ 0,01 mg/L	23/12/2020
11	Clo dư	Chlor test/Martini instruments	0,42 mg/L	0,2-1,0 mg/L	17/12/2020
12	Hàm lượng Mangan tổng số (Mn)	SMEWW 3113B-2012	0,0373 mg/L	≤ 0,1 mg/L	23/12/2020
13	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B – 2017(*) (1)	< MLOQ = 0,001 mg/L	≤ 0,01 mg/L	20/12/2020
14	Nhôm (Al)	SMEWW 3120 B – 2017(*) (1)	Không phát hiện MLOD = 0,020 mg/L	≤ 0,2 mg/L	20/12/2020
15	Coliforms tổng cộng	TCVN 6187 – 1:2009 (ISO 9308-1 : 2000)	0 CFU/100 ml	< 3 CFU/100 ml	17/12/2020
16	<i>E.coli</i>	TCVN 6187 – 1:2009 (ISO 9308-1 : 2000)	0 CFU/100 ml	< 1 CFU/100 ml	17/12/2020
17	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881 : 2011 (ISO 16266 : 2006)	0 CFU/100 ml	< 1CFU / 100 ml	17/12/2020

ĐC: 628 Đường 30/4, KP1, P3, thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Quá thời gian lưu mẫu, TTKSBT Tây Ninh không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (*) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017
- (1) Phép thử do Viện Y tế công cộng Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện
- MLOQ: ngưỡng định lượng của phương pháp
- MLOD: ngưỡng phát hiện của phương pháp

Nhận xét: Mẫu **NUỚC MÁY** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Cục Quản lý môi trường y tế biên soạn, Vụ Pháp chế trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Y tế ban hành.

P. KHOA XÉT NGHIỆM-CĐHA-TDCN



CN. Nguyễn Anh Vũ

Ngày 30 tháng 12 năm 2020

GIÁM ĐỐC



Tô Thanh Tài